

Ngày 08 tháng 4 năm 2026

I. Tiêu chuẩn được chi

STT	Diễn giải	Số xuất ăn	Tiêu chuẩn được chi			Ghi chú	Thực đơn:
			Gạo	Tổng số	Tiền		
1	Cơm mẫu giáo	102			20.000	2.040.000	Bữa chính: Tôm, thịt sốt cà chua. Dưa hấu. Canh cá nấu chuối đậu.
2	Cơm nhà trẻ (bữa chính trưa nhà trẻ	37			10.000	370.000	Bữa phụ NT: Sữa bột Vianmilk
3	Bữa phụ+ chính chiều nhà trẻ	37			10.000	370.000	Bữa phụ MG: Sữa bột Vinamilk + Chè hoa cau
	Cộng	139				2.780.000	Bữa chính chiều: Bún thịt hành hoa

II. Thức ăn trong ngày

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	Đơn giá	Bữa chính trưa mẫu giáo		Bữa chính trưa nhà trẻ		Bữa phụ mẫu giáo		Bữa phụ nhà trẻ		Bữa chính chiều nhà trẻ		Tổng cộng	
			SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền
1	Gạo bắc thơm	20	9.000	180.000	2180	43.600		0			0	0	11.180	223.600
2	Hành củ	25	120	3.000	30	750	30	750			20	500	200	5.000
3	Nước mắm Lâm bảo	71	110	7.810	20	1.420		0		20	1.420	150	10.650	
4	Đậu đậu nành Sim	60	300	18.000	140	8.400	100	6.000			60	3.600	600	36.000
5	Bột canh Thiên Hương	19	60	1.140	10	190	20	380			10	190	100	1.900
6	Sữa Vinamilk	255	0	0	0	0	1340	341.700	390	99.450		0	1.730	441.150
7	Hạt nêm Mezan	52	150	7.800	30	1.560		0		20	1.040	200	10.400	
8	Bột sắn	170	0	0	0	0	900	153.000			0	0	900	153.000
9	Đậu xanh	52	0	0	0	0	2000	104.000			0	0	2.000	104.000
11	Đường trắng	27					2000	54.000			0	0	2.000	54.000
12	Bún khô	32					0	0			1.200	38.400	1.200	38.400
13	Hành hoa	35	100	3.500	30	1.050	50	1.750			20	700	200	7.000
14	Mỡ lợn	90	200	18.000	400	36.000	0	0			0	0	600	54.000
15	Tôm tươi 30-40con/K	340	800	272.000	200	68.000	0	0			0	0	1.000	340.000
16	Thịt nạc	155	0	0	0	0	0	0			0	0	0	0
17	Thịt săn bò da	140	3.600	504.000	700	98.000	0	0			1.600	224.000	5.900	826.000
18	Cà chua	14	2.000	28.000	600	8.400	0	0			0	0	2.600	36.400
19	Dưa hấu	20	7.200	144.000	2800	56.000	0	0			0	0	10.000	200.000
20	Cá trắm bỏ đầu	117	1.000	117.000	200	23.400	0	0			0	0	1.200	140.400
21	Chuối xanh	16	3.300	52.800	1300	20.800	0	0			0	0	4.600	73.600
22	Đậu phụ	25	650	16.250	150	3.750	0	0			0	0	800	20.000
23	Mùi tàu	45	70	3.150	30	1.350	0	0			0	0	100	4.500
	Cộng			1.376.450		372.670		661.580		99.450		269.850		2.780.000

III. Phân quyết toán trong ngày

- * Số tiền được chi trong ngày:
- * Số tiền đã chi:
- * Số tiền còn thừa: 0 đồng

2.780.000 đồng
2.780.000 đồng
* Số tiền chi vượt: 0 đồng

NGƯỜI PHỤ TRÁCH

Nguyễn Thị Tuyết Lan



Nguyễn Thị Tuyết Lan